



GIẤY ĐĂNG KÝ MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ DFVN

OPEN-ENDED FUND APPLICATION FORM

(Dành cho Khách hàng tổ chức/For Institutional Investor)

Nhà đầu tư vui lòng điền đầy đủ thông tin bằng CHỮ VIẾT HOA và mực ĐEN/XANH, ký tên tại chỗ chỉ định và chuyển đơn cho Đại lý Phân phối. (*) Nội dung bắt buộc phải điền/ Please complete this form in full using BLOCKS capitals, in BLACK/BLUE ink, sign it at the places indicated and submit the Form to your Distributor. (*) Content must be filled in

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR'S INFORMATION (*)

1. Tên giao dịch/ Business name:
- Tên viết tắt/ Abbreviation name:
2. Giấy Chứng nhận ĐKKD/ Business license No.: Cấp ngày/issued on: tại/at:
3. Mã số thuế tại Việt Nam/ Vietnam Tax Code: Lĩnh vực kinh doanh/Business sector:
4. Địa chỉ trụ sở chính/ Head office address:
5. Địa chỉ liên hệ (nếu khác trên)/ Mailing address (if different from above):
6. Điện thoại/ Telephone: Email: Fax:
7. HỌ TÊN NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT/ Full name Legal Representative details:
- Chức vụ/Title: Nam/Male Nữ/Female
- Ngày tháng năm sinh/ Date of birth: Quốc tịch/Nationality: Việt Nam/Vietnam Khác/Other:
- CMND/CCCD-Hộ chiếu/ ID-Passport: Cấp ngày/issued on: tại/at:
- Địa chỉ email/ Email address: Điện thoại/Telephone:
- Địa chỉ thường trú/ Permanent address:
- Địa chỉ liên lạc (nếu khác trên)/ Mailing address (if different from above):
8. Nguồn tiền đầu tư/ Source of investment fund:.....
9. Tài khoản ngân hàng/ Bank account number: tại NH/at Bank: Chi nhánh/Branch:
- Phần dành riêng cho Nhà đầu tư nước ngoài/ For the foreign Investors:
10. Quốc gia nơi thành lập/ Country of incorporation: 11. Mã số GDCK/Security Trading Code (STC):.....
12. Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp / Indirect investment capital account (IICA):

II. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HỢP PHÁP/AUTHORIZED PERSON

1. Họ và tên/ Full name investor:
2. Chức vụ/Title: Nam/Male Nữ/Female
3. Ngày tháng năm sinh/ Date of birth: Quốc tịch/Nationality: Việt Nam/Vietnam Khác/Other:
4. CMND/CCCD-Hộ chiếu/ ID-Passport: Cấp ngày/issued on: tại/at:
5. Địa chỉ email/ Email address: Điện thoại/Telephone:
6. Địa chỉ thường trú/ Permanent address:
7. Địa chỉ liên lạc (nếu khác trên)/ Mailing address (if different from above):

Lưu ý/Note:

Nhà đầu tư tổ chức chỉ được chọn người ủy quyền thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ./ Institutional investors can only choose the authorized person for trading Fund Certificate.

Người được ủy quyền hợp pháp được thực hiện các quyền trong phạm vi các quỹ do Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("DFVN") quản lý đã được đăng ký phía trên trong mẫu đơn này./ Legal authorized person can exercise all the authorized rights toward all the fund(s) managed by DFVN as registered above in this form.

III. THÔNG TIN BỔ SUNG ĐẠO LUẬT TUÂN THỦ FATCA/SUPPLEMENTARY INFORMATION FOR FATCA(*)

1. Quý Nhà đầu tư là Tổ chức được thành lập tại Mỹ hay theo pháp luật Mỹ? hoặc bởi người Mỹ hay vì lợi ích của người Mỹ?/ Is entity established in U.S. or under U.S. law? Or by US Person or for the benefit of US Person?
*Nếu trả lời "Có", vui lòng khai mẫu W-9/If answer "Yes", please obtain W-9
2. Quý Nhà đầu tư có phải là tổ chức tài chính và/hoặc tổ chức đầu tư?/ Is entity a financial institution and/or investment entity?

*Nếu trả lời “Có”, vui lòng khai mẫu W-8BEN-E/If answer “Yes”, please obtain W-8BEN-E.

3. Quý Nhà đầu tư là Tổ chức có chủ sở hữu hưởng lợi là người chịu thuế tại Mỹ hay có yếu tố Mỹ?/ Does the entity have beneficial owners that are U.S. taxpayer, or have U.S. indicia?

*Nếu trả lời “Có”, vui lòng khai mẫu W-9 hoặc W-8BEN-E/If answer “Yes”, please obtain W-9 or W-8BEN-E.

Câu trả lời của Nhà đầu tư là:/The answer of investor is:

- Không cho toàn bộ các Câu hỏi trên./No for all Questions above
 Có cho Câu hỏi số/Yes for Question No.

Giải thích/Explanation:

1. Tổ chức tài chính và/hoặc tổ chức đầu tư, bao gồm nhưng không giới hạn, là Ngân hàng, Công ty bảo hiểm, Công ty chứng khoán, Công ty tư vấn đầu tư, Ngân hàng tư nhân, Quỹ đầu tư Cổ phần tư nhân, Quỹ tương hỗ, Quỹ tín thác và các loại hình quỹ đầu tư đại chúng khác

A financial institution and/or investment entity include but not limited to a bank, an insurance company, an investment dealer, an investment broker, an investment advisor, a private bank, a private equity fund, a mutual fund, a unit trust, a pooled investment vehicle of any sort.

2. Người chịu thuế Mỹ là (i) Người thường trú tại Mỹ, (ii) Công dân Mỹ tại bất kỳ nơi nào trên thế giới, bất kể họ cũng có quốc tịch của một hay nhiều nước khác nữa hay không (iii) Người nước ngoài cư trú tại Mỹ (ví dụ Người có Thẻ Xanh).

U.S. Taxpayers are generally defined as (i) U.S. residents (ii) U.S. citizens wherever they are located in the world and regardless of whether they are also citizens of another country or countries, (iii) U.S. Permanent Resident Aliens (i.e. a so-called U.S. Green Card Holders).

3. Chủ sở hữu hưởng lợi của một tài khoản là một người hoặc một tổ chức có quyền sở hữu tài sản và thu nhập phát sinh của tài khoản đó. Nói chung, họ là cá nhân hay tổ chức, có nghĩa vụ nộp thuế trên thu nhập được nhận.

A beneficial owner of an account is the person or entity that owns the assets and the income received in the account. This is generally the person or entity that would be required to pay tax on the income (i.e., the person who is the owner of the income for tax purposes and who beneficially owns that income).

4. Yếu tố Mỹ cho cá nhân được xác định như sau (i) Chủ tài khoản là người thường trú tại Mỹ, (ii) Nơi sinh tại Mỹ, (iii) Địa chỉ hiện tại và địa chỉ liên lạc ở Mỹ (bao gồm hộp thư tại Mỹ), (iv) Số điện thoại ở Mỹ, (v) chỉ thị định kỳ thanh toán một số tiền cho (người thụ hưởng) có địa chỉ ở Mỹ hay vào một tài khoản được mở ở Mỹ (vi) Giấy ủy quyền hoặc giấy thẩm quyền ký được cấp cho người có địa chỉ ở Mỹ, (vii) Cá nhân cung cấp địa chỉ “lưu trữ thư đến” hoặc địa chỉ “được lưu trữ bởi” ở nước Mỹ.

U.S. Indicia for individuals is defined as (i) an account holder as a U.S. resident, (ii) A U.S. place of birth, (iii) A U.S. residence address or U.S. mailing address (including a U.S. PO Box), (iv) A U.S. telephone number, (v) Standing instructions to pay amounts to a U.S. address or an account maintained in the U.S. (vi) A power of attorney or signatory authority granted to a person with a U.S. address, (vii) A U.S. “in care of” address or a “hold mail” address that is the sole address identified for the person.

5. Quý Nhà đầu tư có trách nhiệm tự xác định tình trạng FATCA của mình. Bộ phận chuyên trách FATCA không nên trực tiếp giúp khách hàng khai về tình trạng FATCA. Client is responsible for determining his/her own FATCA status. FATCA team should not in the position to advise customer on what his/her FATCA status is or should be.

6. Quý Nhà đầu tư bắt buộc khai vào đơn Bảy dấu hiệu Mỹ gửi lại ngay cho Đại lý phân phối. Đại lý Phân phối đồng thời sẽ cung cấp mẫu W-9 hoặc W-8BEN-E cho nhà đầu tư. Nhà đầu tư sẽ khai và gửi lại đơn cùng các tài liệu chứng minh cho Đại lý phân phối trong vòng 90 ngày từ ngày nhận được bộ đơn. The Seven U.S. indicia form is required to fill up right away by client. At the same time, Form W-9 or W-8BEN-E is provided by distributor to declare and return it with supporting documents to distributor within 90 days.

7. Quý Nhà đầu tư không gửi lại bộ tài liệu FATCA trong vòng 90 ngày cho Đại lý phân phối thì tài khoản này được phân loại là “Tài khoản chống đối”.

IF the FATCA pack is not returned within 90 days to distributor, this account will be classified as account “Recalcitrant”.

IV. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHẤP NHẬN RỦI RO CỦA NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR RISK PROFILE ASSESSMENT

Câu hỏi và câu trả lời Questions and Answers	Điểm Mark	Câu hỏi và câu trả lời Questions and Answers	Điểm Mark
1. Nhà đầu tư có kinh nghiệm trong hoạt động đầu tư chứng khoán ở mức nào? How many years does Investor have experience in securities investment for?		2. Khoản đầu tư này chiếm bao nhiêu % trong tổng tài sản của Nhà đầu tư? How many percentages does this investment account for total asset of Investor?	
Chưa có kinh nghiệm - Inexperienced (1)		Trên 60% - Over 60% (1)	
Dưới 1 năm kinh nghiệm - Less than 1 year of experience (2)		30% - 60% (2)	
1 - 5 năm kinh nghiệm - 1 - 5 years of experience (3)		10% - 30% (3)	
Trên 5 năm kinh nghiệm - More than 5 years of experience (4)		Dưới 10% - Under 10% (4)	
3. Thời gian dự kiến Nhà đầu tư sẽ nắm giữ khoản đầu tư trung bình là bao lâu? How long does Investor expect to hold this investment?		4. Mức lỗ từ việc đầu tư vào Quỹ mở mà Nhà đầu tư có thể chấp nhận trong một thời gian ngắn? How large are the losses from investments in Open-end Fund that Investor could accept in short - term?	
Dưới 1 năm - Less than 1 year (1)		Dưới 10% - Under 10% (1)	
Từ 1 năm – 3 năm - 1 year – 3 years (2)		10% - 20% (2)	
Trên 3 – 5 năm - More than 3 – 5 years (3)		20% - 50% (3)	
Trên 5 năm - More than 5 years (4)		Trên 50% - More than 50% (4)	
5. Định hướng đầu tư của Nhà đầu tư - What is investment expectation of Investor?			
Nhà đầu tư không chấp nhận bất kỳ khoản lỗ nào cho dù khả năng đạt lợi nhuận có thể cao hơn - Investor does not wish any losses despite higher probability of higher return. (1)			
Nhà đầu tư có thể chấp nhận khả năng có thể có khoản lỗ nhỏ để có thể đạt được một mức lợi nhuận cao hơn - Investor can accept small losses in value of her/his investment for the possibility of achieving moderately higher return. (2)			
Nhà đầu tư có thể chấp nhận khả năng có thể lỗ nhiều để có thể đạt mức lợi nhuận cao hơn nữa - Investor can accept losses in value of her/his investment for the possibility of achieving higher returns (3)			
Nhà đầu tư có kỳ vọng lợi nhuận cao và không có giới hạn về đầu tư định mức - Investor have high return expectation for her/his investments and have no investment constraints (4)			
TỔNG ĐIỂM – TOTAL MARKS			

Điểm Mark	Mức độ chấp nhận rủi ro - Risk profile of Investor
0-7	Chấp nhận rủi ro thấp: Nhà đầu tư không sẵn lòng hoặc không thể chấp nhận rủi ro/ biến động, mong muốn mức lợi nhuận đầu tư cao hơn mức lãi suất ngân hàng và kỳ vọng vào đầu tư ngắn hạn - Low risk profile: being a cautious investor who is unwilling or unable to accept risk/ volatility, expect returns higher than bank deposit rates and prefer short- term investments

8-11	Chấp nhận rủi ro thấp tới trung bình: Nhà đầu tư sẵn lòng và có thể chấp nhận rủi ro/ biến động thấp, chú trọng đến bảo toàn vốn đầu tư, và cần thu nhập từ các khoản đầu tư - Low to medium risk profile: being willing and able to accept low risk/volatility, favour capital preservation investment, and need current income from his/her investments.
12-15	Chấp nhận rủi ro trung bình: Nhà đầu tư có thể chấp nhận lỗ trong ngắn hạn - Medium risk profile: Investor can tolerate losses in the short-term.
16-18	Chấp nhận rủi ro cao: Nhà đầu tư có thể chấp nhận mức độ rủi ro cao, và chấp nhận sự biến động của thị trường và chấp nhận khả năng lỗ nhằm đạt được mức lợi nhuận kỳ vọng trong dài hạn - High risk profile: Investor is able to accept a high level of risk and can tolerate market fluctuation and losses for the possibility of growing her/his investments and achieving long-term gains.
19-20	Chấp nhận rủi ro rất cao: Nhà đầu tư là người chấp nhận rủi ro và có kỳ vọng cao cho khoản đầu tư và chấp nhận mức biến động mạnh giá trị các khoản đầu tư nhằm đạt được kỳ vọng lợi nhuận trong tương lai dài - Very high risk profile: Investor is a risk taker who has a high return expectation for her/his investment and can tolerate higher degrees of fluctuation (sharp, short-term volatility) in the value of her/his investments and accept significant losses for the possibility of achieving greater long-term gains.

Xác nhận của Nhà Đầu tư - Acknowledge by The Investor

Tôi đã thực hiện bản trả lời Đánh giá mức độ rủi ro của Nhà Đầu tư như nêu trên và đã được Đại lý Phân phối/Đại lý Ký danh giải thích và hiểu được mức độ phù hợp của sản phẩm cũng như các rủi ro có thể xảy ra trong thời gian tham gia đầu tư - I have read, understood and processed the Investor Risk Profile and I have been explained and advised by the Distributor about product risk level and potential investment risk that may occur during the investment period.

Tôi hiểu Bản đánh giá chỉ nhằm mục đích tham khảo và tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình - I shall take full responsibility for my own investment decision.

Lưu ý - Note

Phiếu đánh giá mức độ chấp nhận rủi ro dựa trên cơ sở tiêu chuẩn đánh giá được xây dựng bởi Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (DFVN). Phiếu đánh giá này nhằm mục đích giúp cho Nhà Đầu tư tự đánh giá mức độ chấp nhận rủi ro của mình trước khi thực hiện mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ của (các) Quỹ Mở do DFVN quản lý. - This investor's risk profile questionnaire is based on DFVN evaluation criteria. This questionnaire is aimed to help the investor to evaluate his/her risk profile before opening a Fund Trading Account for the Open-Ended Fund(s) which is (are) managed by DFVN.

Phiếu đánh giá này chỉ mang tính chất tham khảo cho Nhà Đầu tư và không có hàm ý là một khuyến nghị đầu tư cho bất kỳ giao dịch đầu tư nào - This questionnaire is only used for the Investor's reference and it does not represent an investment recommendation in any circumstances.

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ/ SYSTEMATIC INVESTMENT PLAN AGREEMENT

Tôi/chúng tôi đồng ý tham gia Chương trình Đầu tư định kỳ với thời hạn ít nhất là 12 tháng để đầu tư vào Quỹ mở của DFVN như sau:
I/We agree to enter the Systematic Investment Plan for a period of at least 12 months to invest in the following open-ended fund of DFVN:

Khoản tiền muốn đầu tư (bằng tiền đồng Việt Nam, đã bao gồm phí phát hành) <i>Investment amount (in Vietnam Dong, including subscription fee)</i>		
Bảng số <i>In number</i>	Từ (Giá trị tối thiểu) <i>From (minimum amount)</i>	
Bảng chữ <i>In words</i>	Từ (Giá trị tối thiểu) <i>From (minimum amount)</i>	
Quỹ sẽ nhận được khoản tiền đầu tư vào ngày: <i>Fund will receive the investment on the date of</i>		
	<input type="checkbox"/> Mỗi tháng <i>Every month</i>	<input type="checkbox"/> Mỗi quý <i>Every quarter</i>

- Tôi/Chúng tôi đồng ý đầu tư và mua CCQ ở mức giá phát hành tại ngày giao dịch kế tiếp sau thời hạn thanh toán định kỳ được quy định trong Bản cáo bạch và Điều lệ Quỹ.
I/We agree to invest and purchase fund units at issuing price of the next fund NAV following the periodic payments as specified in the Fund Prospectus and Charter.
- Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Lệnh giao dịch định kỳ tự động chỉ áp dụng đối với các giao dịch SIP. Trong trường hợp Nhà đầu tư muốn đầu tư thêm bên cạnh chương trình SIP thì cần phải cung cấp Phiếu lệnh mua thông thường cho Đại lý Phân phối/Đại lý Ký danh.
I/We understand that the standing subscription order is applicable for the SIP. Should the Investors want to make additional investments (top-ups), they need to provide Distributors/Nominee distributors with normal subscription orders accordingly.
- Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng Thỏa thuận tham gia Chương trình đầu tư định kỳ này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong trường hợp Nhà đầu tư không thanh toán tiền đăng ký mua CCQ định kỳ theo quy định của Chương trình, DFVN có quyền chấm dứt hiệu lực của Thỏa thuận này.
I/We understand and agree that the SIP takes effective from the date of signing SIP Agreement. If the investors failed to make payments as specified in the Agreement, DFVN reserves the right to terminate the SIP.
- Tôi/Chúng tôi đồng ý chịu bị khấu trừ thêm khoản phí phạt rời chương trình (nếu có) như quy định tại Bản Cáo Bạch cùng với Phí bán khi bán các đơn vị quỹ mua theo Chương trình này, nếu trong 12 tháng đầu tiên kể từ lúc Chương trình bắt đầu và một trong ba trường hợp sau đây xảy ra (i) Tôi/Chúng tôi hủy hoặc không tiếp tục Chương trình này, (ii) quỹ không nhận được các thanh toán theo Chương trình này và (iii) Tôi/Chúng tôi bán Đơn vị quỹ mua theo Chương trình này.
I/We hereby agree that an exit fee as specified in the Fund Prospectus shall be deducted in addition to the redemption fee when Units purchased under this Systematic Investment Plan are redeemed if in the first 12 months from the commencement date of this Plan either (i) I/we cancel or discontinue this Plan or (ii) payment due under this Plan are not received by the Fund or (iii) I/we redeem any Units purchased under this Plan.
- Tôi/chúng tôi ở đây xác nhận rằng tôi/chúng tôi là người được hưởng lợi của các Đơn vị Quỹ đã được mua và đề nghị công ty quản lý quỹ và các bên liên quan khác của Quỹ (Ngân hàng Giám sát, Đại lý chuyển nhượng, Đại lý Phân phối) ghi nhận tôi/chúng tôi là chủ sở hữu số Đơn vị Quỹ trên và Sổ Đăng ký Nhà đầu tư của Quỹ.
I/We hereby confirm that I/we are the beneficial owner of the units being purchased and request the fund management company and other relevant service providers to the Fund (Supervisory Bank, Transfer Agent, Distribution Agent) to record my/our name as unit holder in the Fund Investor Registration Book.
- Tôi/Chúng tôi đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ của (các) Quỹ như đã chỉ rõ và xác nhận rằng đã nhận được, đọc và hiểu (các) tài liệu về Quỹ cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư, đặc biệt là thông tin về mục tiêu và chính sách đầu tư, các yếu tố rủi ro và các loại phí áp dụng cho (các) Quỹ tương ứng, và chấp nhận Điều lệ, các Điều khoản và Điều kiện chi tiết trong Bản Cáo Bạch và Giấy Đăng ký mở Tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
I/We apply for Certificates of the Fund(s) indicated, and confirm having received, read and understood the relevant investor information document(s) especially the investment objectives and policy(ies), the risk factors, the fee & charges applicable to the relevant fund(s), and individually accept the fund Charter, terms & conditions detailed in the Prospectus and Application.
- Tôi/chúng tôi xin cam đoan rằng tất cả các thông tin được đưa ra trong mục này và tất cả các tài liệu cung cấp kèm theo là đúng sự thật và chính xác. Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm với tất cả các thông tin đã được đưa ra trong phiếu này và tất cả các tài liệu cung cấp kèm theo.
I/we hereby declare that all information given in this section and all documents provided to support this application are true and accurate. I/we are responsible for all information given in this form and all documents provided to support this application.
- Tôi/Chúng tôi hiểu rằng số tiền đầu tư theo chương trình SIP phải được chuyển vào tài khoản nhận tiền của Quỹ trước 14h45 ngày T-1 của Kỳ giao dịch, nếu không số tiền này sẽ được đầu tư vào Kỳ giao dịch kế tiếp.

VI. CHỮ KÝ VÀ CAM KẾT CỦA NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR'S SIGNATURE AND DECLARATION

1. Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng đã nhận, đọc và hiểu các tài liệu liên quan cung cấp thông tin cho nhà đầu tư, bao gồm nhưng không giới hạn Bản cáo bạch, Điều lệ Quỹ và Giấy Đăng ký mở tài khoản Giao dịch chứng chỉ quỹ mở này và chấp nhận các Điều khoản và Điều kiện chi tiết trong các tài liệu nêu trên, đặc biệt là các nội dung về mục tiêu, chính sách đầu tư, các yếu tố rủi ro và các loại phí áp dụng cho Quỹ.

I/we confirm that I/we have received, read and understood the relevant investor information documents, including but not limited to the Prospectus, Fund Charter and this Application; and I/we accept the terms and conditions detailed in the above mentioned documents, particularly the objectives and investment policy, the risk factors and the fees & charges applicable to the Fund(s).

2. Tôi/Chúng tôi đã được tư vấn và hướng dẫn từ Đại lý Phân phối về quy trình và hiểu rõ các Lưu ý quan trọng khi đầu tư vào chứng chỉ quỹ trước khi thực hiện mở tài khoản Giao dịch chứng chỉ quỹ mở.

I/we have received appropriate advice and guidance from the Distribution Agent on the procedures and fully understand the important notes for investing in the fund certificates before proceeding to open Fund Trading account.

3. Tôi/Chúng tôi đã tự tìm hiểu đầy đủ các thông tin cũng như các rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào chứng chỉ quỹ. Tôi/Chúng tôi chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư cũng như chấp nhận những rủi ro tiềm ẩn liên quan đến việc đầu tư trong tương lai. DFVN, đại diện của DFVN, Đại lý phân phối không được xem là cung cấp khuyến nghị đầu tư.

I/we have conducted information analysis and analysis of potential risks related to the investment in Fund Unit. I/we are fully responsible for mine/our future investment decision and fully accepts the associated potential risks. DFVN and its representative, appointed Distribution Agent are not deemed to be providing any investment advice.

4. Tôi/Chúng tôi muốn đăng ký mua chứng chỉ (các) Quỹ đầu tư ở mức giá tại Ngày định giá/Ngày giao dịch của chứng chỉ Quỹ và cam kết thanh toán tiền trước cho (các) khoản đầu tư đó. Sau Ngày định giá/Ngày giao dịch, giá mỗi chứng chỉ quỹ và kết quả giao dịch sẽ được thông báo đến Nhà đầu tư bằng hình thức mà nhà đầu tư đã chọn.

I/We wish to subscribe for fund certificates at the relevant prices determined on the relevant Valuation/Trading Day and undertake to make payment therefor. After the Valuation/Trading Day, the information on the applicable price per fund certificate and the trading result confirmation will be sent to investors via chosen method.

5. Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng các lệnh giao dịch liên quan đến Chứng chỉ quỹ của tôi/Chúng tôi sau này sẽ được thực hiện theo các văn bản hiện hành của DFVN áp dụng cho các Quỹ Mở.

I/We agree that any further transaction orders made by me/us relating to the fund certificates shall be in accordance with the current applicable DFVN documentation for its Open-ended Funds.

6. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc đăng ký mở tài khoản của tôi/Chúng tôi phụ thuộc vào việc xem xét và chấp thuận của DFVN và/hoặc các bên có liên quan của quỹ

I/We understand that my/our application is subject to review and acceptance by DFVN and/or the relevant parties to the fund(s).

7. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Giấy Đăng ký mở tài khoản Giao dịch chứng chỉ quỹ mở này có thể được sửa đổi, bổ sung bởi DFVN mà không cần nêu lý do

I/we understand that this Open-ended fund account opening application form can be amended, revised by DFVN from time to time without giving reasons.

8. Tôi/Chúng tôi xác nhận và đồng ý rằng DFVN và các tổ chức cung cấp dịch vụ chấp nhận và xử lý lệnh mua, lệnh bán, chuyển đổi, hủy (trừ Giấy Đăng ký mở Tài khoản Giao dịch Chứng chỉ quỹ mở) thực hiện bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác mà không có xác nhận bằng văn bản sau đó vẫn được coi là hợp lệ. DFVN và các tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với các tổn thất phát sinh trong quá trình thực hiện theo lệnh bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác.

I/We hereby acknowledge and agree that the acceptance and processing subscription, redemption, switching orders by DFVN and service providers (except for the Open-ended Fund Account Opening Application Form) if made by facsimile and/or electronic instructions without subsequent written confirmation shall be duly authorized. DFVN and the relevant service providers shall not be held liable for any loss caused during the processing of facsimile and/or electronic instructions.

9. Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng các thông tin cung cấp trong Giấy Đăng ký mở tài khoản này là trung thực, đầy đủ và chính xác. Tôi/Chúng tôi đồng ý cập nhật các thay đổi về thông tin tổ chức hay thông tin cá nhân của tôi/Chúng tôi trong thời gian sớm nhất. Tôi/Chúng tôi xác nhận sẽ bồi thường cho DFVN hoặc bất kỳ giám đốc, cán bộ, nhân viên hoặc đại diện nào của DFVN đối với bất kỳ tổn thất, thiệt hại hoặc các chi phí khác mà họ có thể phải gánh chịu do thông tin sai hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin không đầy đủ. Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng để phù hợp với quy định tại Bản cáo bạch, DFVN có quyền mua lại chứng chỉ quỹ nếu tôi/Chúng tôi không thực hiện nghĩa vụ cập nhật thông tin hoặc cung cấp thông tin không chính xác, sai lệch làm ảnh hưởng đến DFVN.

I/We confirm that the information provided in this Application Form is true, complete and accurate. I/We agree to forward any changes in the company or in my/our person data as soon as possible.

I/We hereby confirm acceptance to indemnify DFVN or any of their directors, officers, employees or agents for any damage, loss or other expenses they may incur in consequence of any wrong or misleading statement or omission. I/we confirm that, to agree with Prospectus, DFVN has the right to redeem Fund Units if I/we did not perform the obligation to update information or I/we provided inaccurate and/or erroneous information which damages to DFVN.

10. Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng dữ liệu của tôi/Chúng tôi có thể được chuyển cho cơ quan có thẩm quyền nếu pháp luật Việt Nam yêu cầu. Dữ liệu đó có thể được sử dụng cho mục đích quản trị tài khoản, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, xác minh về thuế khi cần thiết, cũng như để chăm sóc khách hàng, quảng cáo và nghiên cứu hoặc cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư về các dịch vụ và sản phẩm quỹ do DFVN quản lý. Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng dữ liệu có thể được chuyển cho các công ty do DFVN chỉ định và/hoặc Đại lý Chuyển nhượng để hỗ trợ các hoạt động có liên quan đến khoản đầu tư của tôi/Chúng tôi vào Quỹ

I/We agree that my/our data may be transmitted to any relevant authorities as may be required under Vietnamese laws. Such data shall be processed for the purposes of account administration, anti-money laundering/counter terrorist financing, tax identification, where appropriate, as well as for investor relations, marketing database for products and market research or providing information on the investment management services and funds managed by DFVN. I/We agree that the data may be transferred to companies appointed by DFVN and/or the Transfer Agent to support activities related to my/our investments into the Fund(s).

<p style="text-align: center;">NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR (*) (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên/ Signature, stamp, full name)</p> <p>Ngày/Date: _____ (dd/mm/yyyy)</p>	<p style="text-align: center;">ĐẠI DIỆN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ/Representative of Dai-ichi Life Fund Management Company Limited (DFVN) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên/Signature, stamp, full name)</p> <p style="text-align: center;">TRẦN CHÂU DANH TỔNG GIÁM ĐỐC – CEO</p>
---	--

VII. THÔNG TIN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI/DISTRIBUTOR DETAILS

1. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI <i>Distributor</i>	Tên Đại lý <i>Distributor name</i>	Mã Đại lý <i>Distributor code</i>
	Số ĐKDN/Giấy phép thành lập <i>Business license</i>	
	Ngày cấp <i>Issuing date</i>	Nơi cấp <i>Issuing place</i>
	Địa chỉ trụ sở chính <i>Head office</i>	
	Điện thoại <i>Phone</i>	Số fax <i>Fax no.</i>
2. ĐỊA ĐIỂM PHÂN PHỐI	Địa chỉ địa điểm phân phối <i>Distribution location</i>	
	Điện thoại	Số fax

Distribution location	Phone	Fax no.
3. NHÂN VIÊN PHÂN PHỐI Distributor staff	Tên nhân viên Name	
	Số chứng chỉ hành nghề Practitioner's certificate number	Ngày cấp Issuing date
	Điện thoại Phone	Thư điện tử Email

Nhân viên giao dịch/Receiver (Ký, ghi rõ họ tên/Signed, full name)	Kiểm soát/Supervisor (Ký, ghi rõ họ tên/Signed, full name)	Đại diện có thẩm quyền của ĐLPP/ Representative of Distributor (Ký, ghi rõ họ tên/Signed, full name)
---	---	--

CÁC LƯU Ý KHÁC/Other notes

1. Những thông tin do Nhà đầu tư cung cấp cho DFVN hoặc các bên có liên quan đến Quỹ (bao gồm Ngân hàng Giám sát, Đại lý Chuyển nhượng hoặc Đại lý Phân phối) được sử dụng để tiến hành mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở, hoàn tất thông tin trong Sổ đăng ký nhà đầu tư của Quỹ và cung cấp các dịch vụ đăng ký, mua lại, chuyển đổi hoặc mua/bán chứng chỉ quỹ mở theo quy định pháp luật. Trong trường hợp Nhà đầu tư không cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết theo quy định, DFVN có quyền từ chối cung cấp dịch vụ nêu trên.

The information that the Investors provide to DFVN or other relevant parties of the Fund(s) including Supervisory Bank, Transfer Agent or Distributor, will be used for processing account opening and completion of information in the fund certificate holder registration of relevant fund(s); and for the purpose of providing the application, subscription, redemption, switching fund certificate services as required by laws. Failure to provide such information may result in your application for the relevant fund certificates being rejected.

2. Nhà đầu tư đồng ý rằng DFVN, Ngân hàng Lưu ký, Ngân hàng Giám sát hoặc Đại lý Chuyển nhượng có quyền sử dụng, lưu trữ, tiết lộ, chuyển soạn, kết hợp, lấy và trao đổi (bất kể trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam), các thông tin liên quan đến Nhà đầu tư hoặc do Nhà đầu tư cung cấp trực tiếp hay gián tiếp, mà DFVN, Ngân hàng Lưu ký, Ngân hàng Giám sát hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác xét thấy là cần thiết cho hoặc có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ phục vụ Nhà đầu tư nhưng không vì đạt được các lợi thế hoặc lợi ích thương mại cho bản thân mình ngoài những gì thu được từ các dịch vụ có liên quan hoặc theo yêu cầu luật áp dụng. Nhà đầu tư cũng hiểu và đồng ý rằng bên thứ ba nhận thông tin đó có thể phải tiết lộ thông tin theo yêu cầu luật áp dụng. Tất cả các thông tin sẽ được nỗ lực bảo vệ ở mức độ hợp lý tránh việc bị xâm nhập hoặc tiết lộ trái phép.

The investor agrees that DFVN, Custodian Bank, Supervisory Bank or Transfer agency service provider are authorized to use, store, disclose, transfer, compile, match, obtain and/or exchange (whether within or outside of Vietnam), all information pertaining to, or directly or indirectly provided by the investor as DFVN, Custodian Bank, Supervisory Bank or other related service providers may consider necessary or relate to services providing to the Investors, but no to procure any commercial advantage or benefit for themselves other than that gained from the relevant services or requirements by applicable laws. The Investor also understands and agrees that those third-party recipients may have to disclose information if required by applicable laws. All information will be afforded at a reasonable level of protection against any unauthorized access or disclosure.

3. DFVN có quyền từ chối hoặc ngừng cung cấp dịch vụ đăng ký mở tài khoản, mua lại, chuyển đổi hoặc mua/bán chứng chỉ quỹ mở theo quy định pháp luật hiện hành.

DFVN shall reserve the right to reject or to suspend the trading account opening application as well as the fund certificate subscription, redemption, switching services as requirement by law.

4. Nhà đầu tư có quyền xem sao kê về tài khoản giao dịch của mình bằng cách liên hệ với Đại lý phân phối của Quỹ nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch. Nhà đầu tư có quyền thay đổi thông tin đã cung cấp theo mẫu đơn này bằng văn bản gửi đến Đại lý Phân phối của Quỹ.

Investors are entitled at any time to request to see your account statement and information at your service Distributor; and to have your information changed/updated by submitting the relevant form to your Distributor, too.

5. Thông tin về tài khoản để thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ do DFVN quản lý có thể được tìm thấy trong Bản cáo bạch; hoặc các tài liệu quỹ đính kèm; hoặc theo hướng dẫn khác của DFVN. Details of payment account of each fund managed by DFVN can be found in the relevant Fund Prospectus; or the other attachments; or other DFVN's instructions.

A. HỒ SƠ NHÀ ĐẦU TƯ TỔ CHỨC (For institutional investor)	
1	Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp & Các loại giấy tờ liên quan đến thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp (nếu có)/ Certified copy of Certificates company registration & related documents of changing company registration information (if applicable)
2	Các mẫu đơn FATCA (nếu có): ví dụ Mẫu khai báo thuế Mỹ: W-8BEN-E/ W-8ECI/ W-8IMY/ W-8EXP hoặc W9/ FATCA forms (if applicable) e.g. US tax declaration forms: W-8BEN-E/ W-8ECI/ W-8IMY/ W-8EXP or W9
3	Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám Đốc/ Decision of Director Appointment
4	Quyết định bổ nhiệm Kế Toán Trưởng/ Decision of Chief Accountant Appointment
5	Bản sao hợp lệ CMND/Thẻ CCCD/ Hộ chiếu của Tổng Giám Đốc/Người đại diện theo pháp luật; Kế toán trưởng; Người được Ủy quyền (Nếu có)/ Certified copy of ID card/Passport of Director/Legal representative; Chieft Accountant; Authorized representative (if applicable)
6	Văn bản ủy quyền hợp lệ / Power of attorney
7	Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (đối với Nhà đầu tư nước ngoài) The bank confirmation on opening the indirect investment capital account (for foreign Investors only)
8	Bản sao hợp lệ Giấy xác nhận Mã số giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với Nhà đầu tư nước ngoài)/ Certified copy of confirmation of securities trading code (STC) from Vietnam Securities Depository (VSD) (for foreign investors only)
9	Bảng câu hỏi đánh giá Khẩu vị rủi ro/ Risk profile questionnaires form
10	HỒ SƠ KHÁC: Giấy phép đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu; etc (Tùy theo từng trường hợp) Other documents: Investment License; Seal sample registration certificate; etc (Upon each case)